**PHỤ LỤC**

*(Đính kèm Công văn số ngày 28 tháng 7 năm 2021)*

**GÓP Ý CHI TIẾT CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI MỸ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020**

**CHƯƠNG VII: TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ, XỬ LÝ SẢN PHẨM, BAO BÌ THẢI BỎ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU**

| **STT** | **Điều khoản** | **Nội dung tham chiếu** | **Lý do đề xuất** | **Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Điều 88** | **Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế** | | |
| Khoản 2 | Tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm, bao bì cụ thể được xác định theo công thức sau đây:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Tỷ lệ tái chế thực tế (Ra)* | *=* | *Hệ số thải bỏ sản phẩm, bao bì (D)* | *x* | *Hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T)* |   Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định hệ số thải sản phẩm, bao bì (D) và hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T) quy định tại khoản này. | Ban soạn thảo nên quy định chi tiết cách xác định các hệ số D và T trong Nghị định cho đúng với tinh thần “quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” | Đề nghịghi cụ thể các hệ số D và T trong Nghị định, và bỏ quy định:  *“Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định hệ số thải sản phẩm, bao bì (D) và hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T) quy định tại khoản này”.* |
| Khoản 4 | Trường hợp nhà sản xuất thực hiện tái chế cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm | Ban soạn thảo nên xem xét cả trường hợp tỷ lệ tái chế thấp hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc thì nhà sản xuất được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm. | Đề nghị sửa thành:  *“Trường hợp nhà sản xuất thực hiện tái chế cao hơn* ***hoặc thấp hơn*** *tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm.”* |
| Khoản 5 | Quy trình xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc được quy định như sau:  a) Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Văn phòng thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu Việt Nam (sau đây viết tắt là Văn phòng EPR Việt Nam) xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc.  b) Văn phòng EPR Việt Nam tổ chức khảo sát thực tế, tham vấn tổ chức, cá nhân có liên quan và đề xuất tỷ lệ tái chế bắt buộc.  c) Hội đồng quốc gia thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu (sau đây viết tắt là Hội đồng EPR quốc gia) thảo luận, thông qua tỷ lệ tái chế bắt buộc trên cơ sở các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều này;  d) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tỷ lệ tái chế bắt buộc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng EPR quốc gia. | - Nghị định cần đưa ra LỘ TRÌNH cụ thể: đưa ra tỷ lệ tái chế bắt buộc lúc đầu, tăng dần mỗi 3 năm cho đến khi đạt được tỷ lệ tái chế cần thiết, và được tham gia ý kiến bởi các hiệp hội, ngành nghề có liên quan.  - Tỷ lệ tái chế bắt buộc cần bắt đầu với tỷ lệ thấp như 50-60% trong 3 năm đầu tiên và có thể tăng dần theo thời gian. Không thể quy định một tỷ lệ bắt buộc cao như 70-80% ngay sau khi Luật/Nghị định có hiệu lực.  - Vì đây là vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất-kinh doanh của cả nước, và Nghị định là thuộc thẩm quyền của Chính phủ, tỷ lệ tái chế bắt buộc cần được Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất và được Chính phủ chấp thuận | Đề nghị sửa quy định này theo hướng:  a) Tỷ lệ tái chế bắt buộc trong ba (03) năm đầu tiên do hiệp hội, ngành nghề tự đăng ký và không áp dụng hình thức xử phạt hành chính đối với những tổ chức, cá nhân thực hiện tái chế thấp hơn mức đăng ký này  b) Tỷ lệ tái chế bắt buộc từ 1/1/2025 là (đưa ra con số cụ thể cho từng loại bao bì, và nên để ở mức 50-60%)  c) Trên cơ sở tình hình thực tiễn, Bộ Tài nguyên môi trường đề xuất lộ trình tăng dần tỷ lệ tái chế bắt buộc cho mỗi 03 năm tiếp theo để Chính phủ phê duyệt |
| Khoản 6 | Tỷ lệ tái chế được điều chỉnh theo mục tiêu tái chế quốc gia, yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.  Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần; trường hợp cần thiết, tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Hội đồng EPR quốc gia kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận. | Cần hạn chế việc điều chỉnh tỷ lệ tái chế bắt buộc dưới 3 năm để doanh nghiệp có thể lên kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, tối thiểu không dưới 24 tháng và thời hạn công bố tỷ lệ tái chế bắt buộc ít nhất 6 tháng trước ngày bắt đầu áp dụng tỷ lệ tái chế bắt buộc mới, để các doanh nghiệp có đủ thời gian lên dự phòng tài chính hoặc kế hoạch tái chế cho doanh nghiệp của mình trong năm tiếp theo và không vượt quá 5% cho mỗi lần điều chỉnh.  Vì đây là vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất-kinh doanh của cả nước, và Nghị định là thuộc thẩm quyền của Chính phủ, tỷ lệ tái chế cần được Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất và được Chính phủ chấp thuận | Đề nghị sửa thành:  “*Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần. Trường hợp đặc biệt, tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất và được Chính phủ chấp thuận, nhưng không dưới 24 tháng kể từ lần điều chỉnh gần nhất, và chỉ khi có đầy đủ lý do cấp thiết để điều chỉnh sớm. Tỷ lệ điều chỉnh sẽ được thông báo cho các doanh nghiệp liên quan trước ít nhất 6 tháng và không vượt quá 5% cho mỗi lần điều chỉnh*.” |
| 2 | **Điều 89** | **Mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam** | | |
| Khoản 1 | Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì (F) được xác định theo công thức sau đây:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số tiền đóng góp (**F**) | = | Tỷ lệ tái chế (**R**) | x | Lượng sản phẩm, bao bì (**V**) |  | x | Định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì (**Fs**) | **+** | Chi phí quản lý, tổ chức tái chế (**Fm**) |   Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định định mức chi phí tái chế (Fs) và chi phí quản lý, tổ chức tái chế (Fm) của từng loại sản phẩm | Cần phải gọi là “Phí tái chế” thay cho “Đóng góp tài chính” vì đây là bắt buộc chứ không phải tự nguyện, và theo đúng Luật BVMT.  Chi phí quản lý, tổ chức tái chế (Fm) nên tính gộp vào Định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì (Fm), vì đây là một phần không thể tách rời của hoạt động tái chế. Cách tính gộp này sẽ đơn giản và minh bạch hơn trong quá trình triển khai.  Hệ số Fs cần được quy định chi tiết trong Nghị định, thay vì phải chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết sau này.  Việc thu chi khoản phí này cần được công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích. Ví dụ: Chính phủ ban hành chính sách cụ thể về việc dùng nguồn thu của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để đầu tư xây dựng các nhà máy tái chế do nhà nước quản lý, vận hành hoặc đưa ra các chính sách hỗ trợ đầu tư vốn cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện đầu tư các nhà máy này theo từng giai đoạn. Khi thu phí tái chế tăng lên thì việc đầu tư các nhà máy tái chế cũng tăng tương ứng. Có như vậy thì các nguồn thu mới của Quỹ mới đóng góp vào quá trình giảm thiểu các tác động môi trường, theo đúng mục tiêu đề ra. | **- Thay từ “Đóng góp tài chính” bằng từ “Phí tái chế” .**  - Nghị định quy định cụ thể hệ số Fs, bỏ hệ số Fm trong công thức tính phí tái chế (F).  - Bỏ quy định “ Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định định mức chi phí tái chế (Fs) và chi phí quản lý, tổ chức tái chế (Fm) của từng loại sản phẩm”  thay bằng: Trường hợp cần điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn, Bộ Tài nguyên môi trường đề xuất điều chỉnh định mức chi phí tái chế (Fs) và trình Chính phủ phê duyệt. |
| 3 | **Điều 90** | **Đăng ký kế hoạch, báo cáo kết quả tái chế và kê khai, đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ tái chế** | | |
|  | Khoản 2 | Trường hợp kế hoạch tái chế hoặc báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 10 ngày làm việc | Theo chúng tôi, thời hạn 10 ngày làm việc là quá ngắn để các doanh nghiệp thu thập số liệu và chỉnh sửa kế hoạch tái chế, báo cáo tái chế chưa đạt yêu cầu. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị Ban soạn thảo tăng thời hạn lên 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng EPR Việt Nam | Đề nghị sửa thành:  *“Trường hợp kế hoạch tái chế hoặc báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 60 ngày làm việc”.* |
|  | Khoản 3 | Nhà sản xuất, nhập khẩu thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam. | Đề nghị bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về báo cáo kết quả tái chế. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hậu kiểm nếu thấy cần thiết | Đề nghị sửa thành:  *“Nhà sản xuất, nhập khẩu* ***tự xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế*** *hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam”.* |
|  | Khoản 4c | Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền của Văn phòng EPR Việt Nam | Thời hạn 15 ngày làm việc là quá ngắn để DN có thể thu xếp tài chính và thanh toán, nhất là khi có bất đồng về số tiền phải nộp. Kiến nghị tăng thời hạn lên 60 ngày làm việc | Đề nghị sửa thành:  *“c) Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn* ***60 ngày làm việc*** *kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền của Văn phòng EPR Việt Nam”.* |
| 4 | **Điều 91** | **Xử lý trường hợp không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế** | | |
|  | Khoản 1 | 1. Nhà sản xuất, nhập khẩu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc theo kế hoạch tái chế đã đăng ký hoặc trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế thì ngoài bị xử lý vi phạm hành chính còn bị truy thu số tiền chi ra để tái chế phần tỷ lệ không đạt được, cộng thêm 30% số tiền bị truy thu và tăng 10% số tiền bị truy thu nếu tiếp tục không nộp trong kỳ tiếp theo. | Để khuyến khích các hoạt động tái chế ở Việt Nam, Nghị định nên bổ sung quy định khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt tỷ lệ tái chế cao hơn tỷ lệ bắt buộc.  Nên xem xét lại số tiền truy thu 30% và tăng 10% trong kỳ tiếp theo, vì điều này không phù hợp với thông lệ quốc tế, không phù hợp với Nghị định về xử lý vi phạm hành chính, Luật quản lý phí, lệ phí, cũng như không có trong Luật BVMT. Những vi phạm này cần bị xử phạt vi phạm hành chính và tính lãi suất nộp chậm theo quy định hiện hành. | Đề nghị sửa thành:  *“Nhà sản xuất, nhập khẩu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc theo kế hoạch tái chế đã đăng ký hoặc trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế thì bị xử lý vi phạm hành chính, truy thu số tiền còn thiếu và lãi phát sinh do nộp chậm theo quy định hiện hành”.* |
|  | Khoản 2, 3 và 4 | 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất, nhập khẩu bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp số tiền truy thu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.  3. Trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền mà nhà sản xuất, nhập khẩu không nộp số tiền truy thu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng EPR Việt Nam có văn bản đề nghị cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan xử lý.  4. Văn phòng EPR Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | Cần thống nhất là 15 ngày làm việc,  Việc đưa sang cơ quan thuế hay hải quan để xử lý vấn đề phí môi trường là không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của ngành thuế và hải quan, không phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, không có trong Luật BVMT, và không phù hợp với thông lệ quốc tế. | Đề nghị sửa thành:  *“2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất, nhập khẩu bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp số tiền truy thu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.*  *3. Trường hợp quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền mà nhà sản xuất, nhập khẩu không nộp số tiền truy thu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng EPR Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.*  *Bỏ khoản 4* |
| 5 | **Điều 92** | **Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì** | | |
|  | Khoản 1 | Nhà sản xuất lựa chọn hình thức tổ chức tái chế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường có thể thực hiện tái chế bằng một trong các hình thức sau đây:  a) Tự mình thực hiện tái chế;  b) Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế;  c) Ủy quyền toàn bộ cho bên thứ ba để tổ chức tái chế. | Doanh nghiệp muốn thực hiện trách nhiệm tái chế kết hợp cả hai hình thức (tự tổ chức thực hiện và nộp phí tái chế vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam) thì sẽ làm như thế nào? Trường hợp, họ muốn thay đổi cách thực hiện (chuyển từ hình thức tự tổ chức tái chế sang nộp phí tái chế hoặc ngược lại) thì sẽ theo thủ tục, quy trình nào? Đề nghị Ban soạn thảo có hướng dẫn cụ thể hơn trong Dự thảo Nghị định. | Đề xuất sửa đổi Khoản 1, Điều 92 theo hướng cho phép nhà sản xuất được lựa chọn nộp 100% phí tái chế hoặc nộp một phần và thực hiện trách nhiệm tái chế với phần còn lại. Đồng thời hướng dẫn rõ trong trường hợp nhà sản xuất đang thực hiện 1 hình thức dang dở mà muốn hoặc phải chuyển qua hình thức khác hoặc kết hợp nhiều hình thức thì xử lí ra sao? |
|  | Khoản 3 | Nhà nhập khẩu chỉ được lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế hoặc ủy quyền cho bên thứ ba để tổ chức tái chế theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này | Tạo ra sự phân biệt đối xử giữa nhà sản xuất và nhà nhập khẩu.  Trường hợp nhà nhập khẩu có đủ điều kiện và năng lực tái chế thì có được tự thực hiện tái chế thay vì lựa chọn một trong các hình thức này hay không. | Đề nghị bỏ khoản này hoặc sửa khoản 1 để áp dụng chung cho cả nhà sản xuất và nhà nhập khẩu. |
|  | Khoản 5 | Biên lai thu tiền của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc hợp đồng ký với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan hải quan cho thông quan lô hàng sản phẩm, bao bì nhập khẩu; không thông quan sản phẩm, bao bì khi nhà nhập khẩu chưa nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc chưa ký kết hợp đồng với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. | Yêu cầu phải có biên lai thu tiền của Quỹ để làm thủ tục hải quan là trái với Luật Ngoại thương, các Nghị định về XNK hàng hóa, tạo rào cản thương mại bất hợp lý.  Việc đưa sang cơ quan hải quan để xử lý vấn đề phí môi trường là không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của ngành hải quan, không phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, không có trong Luật BVMT, và không phù hợp với thông lệ quốc tế. | Yêu cầu bãi bỏ khoản này. |
| 6 | **Điều 93** Khoản 3(c) | Điều kiện thực hiện trách nhiệm tái chế Bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  …  Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền. | Đưa ra một loạt điều kiện kinh doanh và thủ tục cấp phép đối với bên thứ 3 thực hiện tái chế, ngược lại với chủ trương của Chính phủ cắt giảm điều kiện kinh doanh, cắt giảm giấy phép con.  Một số điều kiện bất hợp lý như “ phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền”, “hoạt động phi lợi nhuận”…  Không có quy định về công bố các bên thứ 3 tái chế đủ điều kiện để các DN lựa chọn | Cần đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và thủ tục cấp phép. Bộ TN MT cung cấp công khai hàng tháng danh sách các bên thứ 3 đạt yêu cầu để doanh nghiệp lựa chọn |
| 7 | **Điều 94** Khoản 1, Phụ Lục 61 | Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 61 ban hành kèm theo Nghị định này để bán trên thị trường Việt Nam có trách nhiệm đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải.  Phụ lục 61, mục 3 – Kẹo cao su  Việc nhai kẹo cao su phải chịu phí xử lý chất thải là 1,8% tổng giá trị lô bán trên thị trường hàng năm theo hệ thống EPR được đề xuất  Mức thu phí này sẽ được đóng vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, vốn có nhiệm vụ chính là hỗ trợ vay ưu đãi cho các dự án bảo vệ môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ sử dụng phí này như thế nào?  Mức phí này sẽ được phân bổ cho việc xử lý bã kẹo cao su bị thải bỏ không đúng cách ra sao. Hơn nữa, mức phí đóng góp này hiện đang trùng lặp với hoạt động chi hiện tại của ngân sách nhà nước để xử lý rác thải, cũng như trùng lặp với các khoản thu hiện tại của chính quyền địa phương từ người dân cho hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt. Với bản chất tương đương như một dạng thuế bảo vệ môi trường đánh trên doanh thu, và thiếu cơ sở, bằng chứng cho vấn đề rác thải kẹo cao su gây ra tại Việt Nam, việc Ban soạn thảo đề xuất mức đóng cho kẹo cao su như vậy là không hợp lý, không minh bạch.  Việc áp dụng mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam lên kẹo cao su để hỗ trợ xử lý chất thải không phù hợp bởi những lý do chính sau đây:  (i) Dự thảo còn thiếu tiêu chí xác định các sản phẩm phải đóng góp tài chính để hỗ trợ xử lý chất thải nói chung, cũng như cơ sở, bằng chứng khoa học về những bất cập do kẹo cao su gây ra đối với môi trường ở Việt Nam.  (ii) Kẹo cao su là sản phẩm thực phẩm đã được khoa học chứng minh có lợi cho sức khỏe, do đó việc đưa kẹo cao su vào danh mục các sản phẩm độc hại, khó tái chế, khó xử lý phải chịu đóng góp tài chính là không phù hợp.  (iii) Nguyên nhân cốt lõi của việc vứt kẹo cao su không đúng cách là do sự thiếu ý thức của một số người tiêu dùng. Vấn đề này nên được giải quyết triệt để bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục cộng đồng sẽ hiệu quả hơn biện pháp đóng góp tài chính.  Các lý do cụ thể được trình bày chi tiết trong file đính kèm.    Ngoài ra, ghi nhận từ một số nước Châu Âu, Mỹ:  (a) Không có quốc gia nào khác trên thế giới áp dụng chính sách EPR đối với kẹo cao su, ngoại trừ Hàn Quốc.  (b) Ở Mỹ, kẹo cao su là một loại thực phẩm và không có một Tiểu bang nào đưa ra chính sách EPR đối với về việc xả bã kẹo cao su.  (c) Ở Châu Âu (27 Quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu và Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sĩ, v.v.) kẹo cao su là thực phẩm và không có quốc gia nào áp dụng chính sách EPR đối với việc xả bã kẹo cao su. Tại Vương quốc Anh, ngành công nghiệp kẹo cao su đang tự nguyện làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường Anh để thúc đẩy việc thải bỏ kẹo cao su đúng cách. | Đề nghị loại bỏ mục Kẹo cao su ra khỏi Phụ lục 61. |
| 8 | **Điều 97**  Khoản 1, 2,3 | **Cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì**  1. Nhà sản xuất, nhập khẩu được quy định tại Điều 87 và Điều 94 Nghị định này có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu về thành phần nguyên liệu, vật liệu; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý sau tiêu dùng; cảnh báo rủi ro trong quá trình tái chế, tái sử dụng, xử lý sản phẩm, bao bì.  2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thể hiện trên bao bì của sản phẩm hoặc hướng dẫn kèm theo sản phẩm.  3. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 87 Nghị định này phải sử dụng biểu tượng tái chế quốc gia trên nhãn hiệu, bao bì của sản phẩm, bao bì để người tiêu dùng nhận biết và phân loại. Biểu tượng tái chế quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng ký, công bố. | - Quy định này trái với quy định hiện hành về nhãn hàng hóa tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ trong đó quy định các thông tin này chỉ là tự nguyện.  - Trái với thông lệ quốc tế, tạo rào cản thương mại bất hợp lý.  - Gây khó khăn và tốn kém bất hợp lý cho doanh nghiệp khi phải thay đổi toàn bộ nhãn sản phẩm.  - Theo TCVN ISO 14021: 2017, biểu tượng tái chế là vòng Mobius. Vòng Mobius cũng là biểu tượng tái chế đã được cả thế giới công nhận và tự nguyện áp dụng rộng rãi. Do đó, chúng tôi đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sử dụng vòng Mobius làm Biểu tượng tái chế quốc gia để hài hòa với quy định của các quốc gia khác, và việc sử dụng cũng là tự nguyện. | Đề nghị bỏ quy định tại Điều 97. |
| 9 | **Điều 99**  Khoản 1, 2, 3 | **Hội đồng EPR quốc gia**  1. Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; có nhiệm vụ tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Chương này.  2. Hội đồng EPR quốc gia gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương; đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu và một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Chủ tịch Hội đồng EPR quốc gia là Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường.  3. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia. | - Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu nhưng thành phần gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương thì không thể là đại diện cho các nhà sản xuất, nhập khẩu được.  - Làm như vậy là nhà quản lý khoác thêm áo doanh nghiệp, khó đảm bảo sự công bằng, minh bạch.  - Là nhà quản lý, đã có lương của nhà nước chi trả, nhưng các chi phí trong Hội đồng EPR quốc gia lại lấy từ quỹ của các doanh nghiệp đóng góp là không phù hợp với Luật quản lý phí, lệ phí, và gây sự nhập nhèm giữa công và tư.  - Nếu coi Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu thì thành viên Hội đồng EPR quốc gia phải là đại diện doanh nghiệp được các nhà sản xuất, nhập khẩu, các hiệp hội đề cử và bầu chọn. Hội đồng hoạt động dưới sự giám sát của các thành viên, theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. | Cần quy định lại thành phần (có số thành viên cụ thể, và chỉ gồm đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu), và quy định lại cơ cấu hoạt động, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR quốc gia cho rõ ràng, tránh nhập nhèm giữa công và tư.  Hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR quốc gia phải sử dụng ngân sách nhà nước, chứ không phải từ quỹ doanh nghiệp nộp. |
| 10 | **Điều 100**, Khoản 1, 2, 3 | 1. Văn phòng Văn phòng EPR Việt Nam là cơ quan thường trực của Hội đồng EPR quốc gia đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường; được Bộ Tài nguyên và Môi trường giao quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 87 và Điều 94 Nghị định này.  2. Văn phòng EPR Việt Nam là tổ chức của nhà sản xuất, nhập khẩu; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật chịu sự chỉ đạo, quản lý, giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức và phê duyệt quy chế hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam trên cơ sở đề xuất của Hội đồng EPR quốc gia.  Hội đồng EPR quốc gia quyết định kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chương này. | - Tương tự như Hội đồng EPR quốc gia, việc thành phần điều hành là cơ quan quản lý mà lại gọi là tổ chức của nhà sản xuất, nhập khẩu là không phù hợp, gây nhập nhèm giữa công và tư.  - Chúng tôi kiến nghị không thành lập mới Văn phòng EPR Việt Nam, mà giao nhiệm vụ này cho một đơn vị chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, vừa đảm bảo vai trò quản lý, giám sát của Nhà nước đối với việc thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu, vừa phù hợp với chỉ đạo của Chính phù về tổ chức tinh gọn bộ máy, đồng thời còn giúp giảm bớt gánh nặng chi phí quản lý mà doanh nghiệp phải chi trả cho quá trình tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì của mình. | Đề nghị sửa lại Điều 100 theo hướng kiến nghị “không thành lập mới Văn phòng EPR Việt Nam”, và bỏ quy định “ Hội đồng EPR quốc gia quyết định kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chương này”.  Hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR quốc gia phải sử dụng ngân sách nhà nước, chứ không phải từ quỹ doanh nghiệp nộp. |
| 11 | **Phụ lục 55** | **Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện** | | |
|  |  |  | Cột 6 của Phụ lục 55 về quy cách tái chế nêu ra yêu cầu đối với các giải pháp tái chế nhất định. Ví dụ: Đối với giải pháp tái chế thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100ml để tái chế thành các sản phẩm giấy, như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy, v.v. thì phải *thu hồi được tối thiểu 80% giấy* có trong 1 đơn vị sản phẩm dưới dạng sản phẩm giấy.  Theo định nghĩa “tái chế chất thải” tại Điều 3.12 của Dự thảo, “tái chế chất thải” là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để *thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải*. Như vậy, có thể hiểu tỷ lệ thu hồi tối thiểu các thành phần có giá trị sử dụng như giấy trong ví dụ nêu trên là “tỷ lệ tái chế bắt buộc” hay không? Nếu có thì quy định tại Phụ lục 55 chưa hợp lý vì:   * Theo Điều 88 của Dự thảo, tỷ lệ tái chế bắt buộc (R) sẽ được Văn phòng EPR Việt Nam xác định và đề xuất dựa trên tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm sau khi đã khảo sát thực tế, tham vấn tổ chức, cá nhân có liên quan; và * Tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm được xác định theo công thức dựa trên hệ số thải sản phẩm, bao bì (D) và hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T) (chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành).   Do đó, khi (D) và (T) chưa được ban hành cụ thể thì việc xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc ở giai đoạn này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 88 của Dự thảo. | Đề xuất làm rõ khái niệm “tỷ lệ tối thiểu” tại Phụ lục 55 (có liên quan đến “tỷ lệ tái chế bắt buộc” hay không).  Ngoài ra, việc quy định “tỷ lệ tối thiểu” tại Phụ lục 55 cũng phải cân nhắc kỹ các yếu tố như trình độ, điều kiện và cơ sở vật chất về tái chế của các tổ chức tại Việt Nam, cũng như “tỷ lệ tối thiểu” ở các quốc gia khác có điều kiện kinh tế tương đồng với Việt Nam, để tránh tình trạng quy định tỷ lệ quá cao và doanh nghiệp không thể tuân thủ.  Ví dụ: Trong ba (03) năm đầu tiên thì tỷ lệ thu gom và tỷ lệ tái chế bắt buộc ở mức 40% tăng dần theo thời gian, 3 năm tăng 1 lần, mỗi lần không quá 5%. Điều này là phù hợp với lộ trình của quá trình thiết lập hệ thống thu gom bao bì và xây dựng dây chuyền tái chế rác thải của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sản xuất dù tự xây dựng dây chuyền tái chế hay các doanh nghiệp chuyên đầu tư xây dựng các nhà máy tái chế cũng cần ít nhất 2-3 năm để hoàn tất việc xây dựng và đưa các nhà máy tái chế vào hoạt động. Giai đoạn đầu mới hoạt động thì do công nghệ và việc vận hành chạy thử chưa thể đạt mức 80% như Phụ lụ 55 đưa ra. Cần quy định mức tái chế thấp cho giai đoạn đầu mới thực hiện, như đề xuất ở trên. |
|  | G1.1 | Phân nhóm G1.1 “Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml.” | Trên thực tế, bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa, và bao bì kim loại nhôm có giá trị thương mại cao, dễ thu gom (tỷ lệ gần như 100%), ít gây độc hại, ảnh hưởng tới môi trường.  Ban soạn thảo nên xem lại tỷ lệ thu hồi cho phù hợp với công nghệ hiện tái chế hiện có ở Việt Nam, và cần có khảo sát thực tiễn để quyết định tỷ lệ thu hồi đối với từng loại sản phẩm, bao bì | Sửa phân nhóm G1.1 thành “Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml*, trừ bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa”.* |
|  | G1.2 | Phân nhóm G1.2 “Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml” | Bỏ phân nhóm G1.2 hoặc sửa thành “Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại không bao gồm nhôm”. |
| 12 | **Điều 176** Khoản 2 | Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc ký và công bố các nội dung thỏa thuận công nhận lẫn nhau việc chứng nhận sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam với các tổ chức chứng nhận nhãn sinh thái quốc tế. | Đây là một loại giấy phép con bất hợp lý.  Đề nghị Bộ TNMT làm rõ thủ tục công nhận lẫn nhau về chứng nhận nhãn sinh thái quốc tế.  Ví dụ: Biểu tượng "Eco- friendly" đã được sử dụng tại Newzeland và đã được in trên bao bì sản phẩm lưu hành tại Newzeland. Nếu sản phẩm đó xuất sang Việt Nam thì doanh nghiệp sẽ phải làm thủ tục gì với Bộ Tài nguyên và Môi trường để được Bộ công nhận và cho phép sử dụng biểu tượng "Eco- friendly" này. | Bỏ yêu cầu giấy phép con này.  Cho phép doanh nghiệp sử dụng biểu tượng nhãn sinh thái do các quốc gia khác đã cấp trên bao bì của hàng nhập khẩu.  Doanh nghiệp sẽ không phải làm thủ tục đăng ký với Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sử dụng biểu tượng nhãn sinh thái do các quốc gia khác đã cấp. Tuy nhiên doanh nghiệp phải có tài liệu chứng minh về việc cấp này để phục vụ cho việc hậu kiểm. |
| 13 | **Điều 197** Hiệu lực thi hành | Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 | Đây là thời điểm mà người dân và doanh nghiệp vẫn đang phải gồng mình cùng Chính phủ chống dịch. Doanh nghiệp phải nộp thêm phí tái chế sẽ buộc phải tăng giá hàng hóa, sản xuất-kinh doanh càng thêm khó khăn và ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của người dân | Giãn lộ trình thực hiện nộp phí tái chế thêm 3 năm cho đến tháng 1/2025. |